

Số: 128/QĐ-TnS

Gò Vấp, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán nguồn NSNN,
nguồn khác Quý 1 năm 2025 của Trường THCS Tân Sơn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 ngày 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán Trường THCS Tân Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán nguồn NSNN, nguồn thu khác Quý 1 năm 2025 của Trường THCS Tân Sơn (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, công chức, và người lao động tại Trường THCS Tân Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG


Hoàng Thị Thu

Đơn vị: Trường THCS Tân Sơn
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 14 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.080.540.000	547.800.000	51%	25%
1	Thu học phí	1.080.540.000	547.800.000	51%	25%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp giáo dục	1.080.540.000	211.742.125	20%	18%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.080.540.000	211.742.125	20%	18%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.800.585.000	3.994.222.231	15%	-6%
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.800.585.000	3.994.222.231	15%	-6%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.800.585.000	3.994.222.231	15%	-6%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.670.283.000	3.276.395.597	24%	1%
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên - Nguồn 13	13.670.283.000	3.276.395.597	24%	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên - Nguồn 14	0	0	0%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.130.302.000	717.826.634	5%	-14%
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên - Nguồn 12	2.112.320.000	717.826.634	34%	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên - Nguồn 14	10.272.410.000	0	0%	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên - Nguồn 18	745.572.000	0	0%	
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

Ngày 14 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Thị Thu

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-TnS ngày 14/4/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Tân Sơn)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu	4.739.365.050	4.739.365.050	0	
I	Tổng số thu	4.739.365.050	4.739.365.050	0	
1	Số thu phí, lệ phí	547.800.000	547.800.000	0	
	Học phí	547.800.000	547.800.000	0	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	82.280.000	82.280.000	0	
2.1	Căn tin	53.000.000	53.000.000	0	
2.2	Giữ xe	29.280.000	29.280.000	0	
3	Thu sự nghiệp khác	4.109.285.050	4.109.285.050	0	
3.1	Thiết bị, vật dụng PVBT	1.548.000	1.548.000	0	
3.2	Học buổi 2	1.126.988.550	1.126.988.550	0	
3.3	Tiếng anh tăng cường	43.504.500	43.504.500	0	
3.4	Anh văn giao tiếp	824.774.000	824.774.000	0	
3.5	Kỹ năng sống	523.236.500	523.236.500	0	
3.6	Tin học QT IC3	404.175.000	404.175.000	0	
3.7	Phục vụ BT & VSBT	770.176.000	770.176.000	0	
3.8	Chương trình iSMART	378.800.000	378.800.000	0	
3.9	Thu sự nghiệp khác	36.082.500	36.082.500	0	
II	Chi từ nguồn thu được để lại	3.490.060.194	3.490.060.194	0	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	211.742.125	211.742.125	0	
1.1	Chi sự nghiệp giáo dục	211.742.125	211.742.125	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
1.2	Chi quản lý hành chính			0	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	25.771.200	25.771.200	0	
2.1	Căn tin	6.300.000	6.300.000		
2.2	Giữ xe	19.471.200	19.471.200		
3	Hoạt động sự nghiệp khác	3.252.546.869	3.252.546.869	0	



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
3.1	Thiết bị, vật dụng PVB	330.960	330.960	0	
3.2	Học buổi 2	1.003.933.819	1.003.933.819	0	
3.3	Tiếng anh tăng cường	29.630.490	29.630.490	0	
3.4	Anh văn giao tiếp	569.557.980	569.557.980	0	
3.5	Kỹ năng sống	380.029.330	380.029.330	0	
3.6	Tin học QT IC3	233.127.999	233.127.999	0	
3.7	Phục vụ BT & VSB	737.398.994	737.398.994	0	
3.8	Chương trình iSMART	263.504.000	263.504.000	0	
3.9	Thu sự nghiệp khác	35.033.297	35.033.297	0	
III	Số thu nộp NSNN	0	0	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.994.222.231	3.994.222.231	0	
1	Chi sự nghiệp giáo dục	3.994.222.231	3.994.222.231	0	
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	3.276.395.597	3.276.395.597	0	
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 14)	0	0	0	
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)	717.826.634	717.826.634	0	
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 14)	0	0	0	

Ngày 14 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Thị Thu

